TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/DS-ST
Ngày: 19-7-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Nam P.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Đặng Thị Ngọc H
2. Ông Hoàng Văn Đ

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Linh N – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu H1 - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 365/TLST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2022 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXXST-DS ngày 31/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 170/2023/QĐST-DS ngày 28/6/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trí L, sinh năm 1985 (có mặt)
Địa chỉ thường trú: 15 Q, Phường T, Quận M, Thành phố H2
Địa chỉ liên lạc: 1472 V, Phường B, Quận S, Thành phố H2

2. Bị đơn: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ T1(vắng mặt)
Trụ sở: 443/142H V, Phường M1, Quận A, Thành phố H2
Đại diện theo Pháp luật: Ông Trần Thanh T2 - Chức vụ: Giám đốc.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Ông Trần Thanh T2, sinh năm 1969 (vắng mặt)
Địa chỉ: 347 N1, Phường S1, Quận E, Thành phố H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 18/11/2022.; Bản tự khai; Các Biên bản hòa giải; nguyên đơn ông Nguyễn Trí L trình bày:

Năm 2009, nguyên đơn ông Nguyễn Trí L biết bị đơn - Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ T1 (gọi tắt Công ty T1) - địa chỉ hoạt động tại 39 C, Phường B1, Quận N2, Thành phố H2 có kinh doanh vàng và tiền. Do đó, vào ngày 14/10/2009, ông L có gửi tiền mặt vào Công ty T1 số tiền 1.493.000,000 đồng (Một tỷ bốn trăm chín mươi ba triệu đồng), với lãi suất 0,8%/tháng.

Sau khi gửi tiền cho bị đơn, ông L chưa từng được nhận bất cứ khoản tiền lãi nào. Sau đó biết được thông tin Công ty T1 gặp vấn đề kinh doanh, ông L đến Công ty T1 đòi lại tiền. Tại đây, ông L gặp ông Trần Thanh T2 – giám đốc Công ty T1 và được ông T2 ký Biên Bản Thỏa Thuận ngày 14/01/2010 đồng thời trả trước cho ông L số tiền 223.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi ba triệu đồng). Số tiền còn lại là 1.270.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm bảy mươi triệu đồng) chia làm 04 đợt trong 4 năm tiếp theo. Đến nay, Công ty T1 không thanh toán nợ cho cho ông như Biên Bản Thỏa Thuận ngày 14/01/2010.

Về tài liệu chứng cứ, ngoài những tài liệu chứng cứ đã nộp cho Tòa án ông không còn tài liệu nào khác. Ông không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người liên quan; không yêu cầu Tòa án tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ.

Đối với tài liệu bản photo như: Biên nhận của ông Nguyễn Trí L (số 006763) ngày 14/10/2009; Biên bản thỏa thuận ngày 14/01/2010 (bản photo) thì hiện những bản này ông đang giữ bản chính và xuất trình bất cứ khi nào Tòa án yêu cầu.

Ông đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc bị đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ T1 có trách nhiệm trả cho ông số tiền 1.270.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm bảy mươi triệu đồng).

Ông chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ T1 vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Thanh T2 vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Nguyễn Trí L*:* Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện:

Yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ T1 có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 1.270.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm bảy mươi triệu đồng). Thực hiện thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ T1 vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Thanh T2 vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Thư ký là đúng thủ tục tố tụng quy định tuy nhiên thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Nguyên đơn ông Nguyễn Trí L khởi kiện bị đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ T1 có trụ sở tại Quận 3 do đó khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3.

[2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Bị đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ T1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh T2 đã được tống đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Về luật nội dung áp dụng:

Xét giao dịch vay tiền được xác lập trong thời gian Bộ luật Dân sự năm 2005 có hiệu lực nên khi giải quyết tranh chấp cần áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết.

[4] Về yêu cầu trả số tiền 1.270.000.000 đồng của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét Biên nhận số 006763 ngày 14/10/2009 của Công ty TNHH SX-TM-DV T1 có nội dung: *"nhận của ông/bà Nguyễn Trí L, CMND: 023787855 gởi 1.493.000.000VND (một tỷ bốn trăm chín mươi ba triệu đồng), không kỳ hạn*

0,8%/tháng", bên dưới đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH SX-TM-DV T1 là ông Trần Thanh T2 ký tên và đóng dấu.

Xét nội dung Biên bản thỏa thuận ngày 14/01/2010 giữa nguyên đơn – ông Nguyễn Trí L (bên B) với đại diện là ông Trần Thanh T2 (bên A) do ông Trần Thanh T2 ký tên có nội dung:

" *Bên A xác nhận có vay của bên B số tiền 1.493.000.000VND (một tỷ bốn trăm chín mươi ba triệu đồng) theo Biên nhận* số *006763 ngày 14/10/2019.*

Điều 2: Thỏa thuận thanh toán nợ. ...

. Bên A đồng ý nhận trước số tiền: 223.000.000 đồng.

. Số tiền còn lại 1.270.000.000 đồng thanh toán cho bên B làm 04 lần trong 04 năm kể từ ngày thanh toán số tiền nêu trên như sau:

Đợt thanh toán đầu tiên ngày 14/01/2011 là 317.500.000 đồng.

Đợt thanh toán thứ hai ngày 14/01/2012 là 317.500.000 đồng.

Đợt thanh toán thứ ba ngày 14/01/2013 là 317.500.000 đồng.

Đợt thanh toán thứ tư ngày 14/01/2014 là 317.500.000 đồng."

Căn cứ khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn, ...* " và Điều 290 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định thực hiện nghĩa vụ trả tiền như sau: "*1. Nghĩa vụ trả tiền phải thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức như đã thỏa thuận".*

Xét lời khai của nguyên đơn ông Nguyễn Trí L thì sau khi mượn tiền bị đơn Công ty T1 không trả cho nguyên đơn số tiền gốc hay tiền lãi nào. Tòa án đã tiến hành triệu tập bị đơn Công ty TNHH T1 đến giải quyết vụ án. Nhưng bị đơn vắng mặt và không gửi ý kiến trình bày.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định bị đơn Công ty T1 có vay của nguyên đơn ông Nguyễn Trí L số tiền là 1.493.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm chín mươi ba triệu đồng) theo Biên nhận ngày 14/10/2009. Trong quá trình thực hiện theo thỏa thuận, bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 223.000.000 đồng (theo giấy thỏa thuận ngày 14/01/2010) số còn lại là 1.270.000.000 đồng còn lại đã quá thời hạn trả theo giấy thỏa thuận nhưng bị đơn vẫn chưa trả. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền đã cho vay 1.270.000.000 đồng (một tỷ hai trăm bảy mươi triệu đồng) là có cơ sở để chấp nhận.

Do ông Trần Thanh T2 ký vào giấy thỏa thuận ngày 14/01/2010 với tư cách là đại diện theo pháp luật của bị đơn chứ không phải là tư cách cá nhân nên người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh T2 không liên quan đến vụ án.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 208, Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 290, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Trí L

Buộc bị đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ T1 có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn ông Nguyễn Trí L số tiền 1.270.000.000 đồng (một tỷ hai trăm bảy mươi triệu đồng).

Việc thanh toán thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ T1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 50.100.000 đồng (năm mươi triệu một trăm ngàn đồng).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Trí L số tiền án phí đã tạm nộp là 25.050.000 đồng (hai mươi lăm triệu không trăm năm mươi ngàn) theo biên lai số AA/2021/0007906ngày 13/12/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hoài Nam P